

Số: 618 /QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2007

### QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt điều chỉnh dự án Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm  
kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên (giai đoạn 1)

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 16/2005/TT-BXD ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn điều chỉnh dự toán chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 07/2006/TT-BXD ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-UB ngày 15 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc duyệt dự án đầu tư công trình tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương-Bến Cát-Rạch Nước Lên (giai đoạn 1);

Căn cứ Công văn số 1051/TTg-CN ngày 06 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông qua chủ trương điều chỉnh Dự án tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên (giai đoạn 1), thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 06/TTr-BQLDA ngày 03 tháng 01 năm 2007 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc trình duyệt điều chỉnh dự án “Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên (giai đoạn 1)”;

Xét Tờ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 487/TTr-SKHĐT ngày 29 tháng 01 năm 2007;

### QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Duyệt điều chỉnh dự án đầu tư công trình Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương - Bến Cát - Rạch Nước Lên (giai đoạn 1) gồm những nội dung sau:

Điều chỉnh mục 8, mục 9 và mục 11 tại Điều 1 của Quyết định số 2064/QĐ-UB ngày 15 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

1.1. Điều chỉnh khối lượng các hạng mục đã được duyệt :

1.1.1. Tổng chiều dài toàn tuyến là 32.735m, được nạo vét kết hợp đắp đường giao thông với các thông số kỹ thuật chia theo gói thầu như sau:

TT	Đoạn kênh	L (m)	B <sub>đáy</sub> (m)	∇ <sub>đáy</sub>	m	B <sub>bờ</sub> (m)
1	Từ sông Chợ Đệm đến cầu An Lạc	2.473	30	- 4.0	2.0	20
2	Từ cầu An Lạc đến cầu Bà Hom	4.511	20 ÷ 50	- (4.0) ÷ -(3.0)	2.0	10÷20
3	Từ cầu Bà Hom đến cầu Bình Thuận	5.389	15 ÷ 20	- 3.0	2.0	20
4	Từ cầu Bình Thuận đến cầu Bung	3.539	15 ÷ 30	- 3.0	1.5	10÷20
5	Từ cống Cầu Bung đến cầu Tham Lương	2.801	15	- 3.0	1.5	20
6	Từ cầu Tham Lương đến cầu Chợ Cầu	3.017	15 ÷ 35	- 3.0	1.5	20
7	Từ cầu Chợ Cầu đến cầu Trường Đại	2.454	20 ÷ 67	- 3.0	2.0	20
8	Từ cầu Trường Đại cầu An Lộc	3.461	23 ÷ 40	- (3.5) ÷ -(4.0)	2.0	20
9	Từ cầu An Lộc đến sông Sài Gòn	5.090	40	- 4.0	2.0	20

1.1.2. Hành lang kỹ thuật bờ kênh:

Chiều rộng biên kỹ thuật  $B_{kt} = 20m$  tính từ mép kênh thiết kế ra hai phía để bảo vệ kênh, độ đất đắp nền hạ và chuẩn bị mặt bằng cho giai đoạn 2 kêu gọi nguồn vốn ODA.

1.1.3. Khối lượng bồi thường giải phóng mặt bằng :

- Diện tích đất giải tỏa : 1.619.887m<sup>2</sup>

Trong đó:

+ Đất ở : 394.814 m<sup>2</sup>

+ Đất nông nghiệp : 986.251 m<sup>2</sup>

+ Đất chuyên dùng : 238.822 m<sup>2</sup>

- Vật kiến trúc : 280,778 m<sup>2</sup>

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng : 3.078 hộ

- Tổng số hộ di dời tái định cư : 1.440 hộ

1.1.4. Khối lượng các hạng mục chủ yếu:

a. Nạo vét kênh kết hợp với đắp đường giao thông:

- Đất đào : 2.410.000 m<sup>3</sup>

- Đất đắp : 1.231.000 m<sup>3</sup>

- Vận chuyên bùn ô nhiễm : 208.146 m<sup>3</sup>

- Cự ly vận chuyển : 22km – 45 km.
- Cừ tràm  $\Phi$  10 : 60.240 cây.
- Ống cống HDPE D=0,3m : 24.725m.

b. Xây dựng mới 133 công điều tiết:

- Đất đào : 77.083 m<sup>3</sup>.
- Đất đắp : 86.148 m<sup>3</sup>.
- Đất cấp phối sỏi đò : 5.320 m<sup>3</sup>.
- BTCT các loại : 5.426 m<sup>3</sup>.
- Thép các loại : 248 tấn.
- Gạch đá xây các loại : 4.774 m<sup>3</sup>.
- Ống cống  $\Phi$  60 – 100 : 1.842 m.
- Ống cống 1.6 x 2.0m : 167 m
- Ống cống 2.0 x 2.0m : 26 m
- Cừ tràm  $\Phi$  10 : 266.400cây
- Cừ bản nhựa : 6.503 m<sup>2</sup>
- Vải lọc : 11.270 m<sup>2</sup>.
- Cửa tự động trục đứng : 53 bộ
- Cửa tự động Clape : 80 bộ

c. Sửa chữa và xây mới 16 cửa xả :

- Đất đào : 8.685 m<sup>3</sup>.
- Đất đắp : 7.370 m<sup>3</sup>.
- BTCT các loại : 542 m<sup>3</sup>.
- Thép các loại : 24,3 tấn.
- Ống cống các loại : 142 m.
- Cừ tràm  $\Phi$  10, L=5m : 24.113 cây.
- Vải lọc : 1.107 m<sup>2</sup>.
- Cừ bản nhựa : 437m<sup>2</sup>.
- Cửa cống tự động INOX : 09 bộ.

d. Xây dựng 05 cầu giao thông:

- Đất đào : 924 m<sup>3</sup>.
- Đất đắp : 4.759 m<sup>3</sup>.
- BTCT các loại : 520 m<sup>3</sup>.
- Thép các loại : 39 tấn.
- Cọc BTCT các loại : 1.632 m<sup>3</sup>.
- Dầm cầu BTCT các loại : 1.470 m.



## 1.2. Hạng mục công trình phát sinh:

- Trồng cây xanh để bảo vệ hành lang giải tỏa :
- Công tác dò phá bom mìn và vật liệu nổ : Diện tích 149,19 ha.

## 1.3. Hạng mục công trình giảm:

Xây dựng bãi đồ bùn: Địa điểm xã Tam Thôn Hiệp và An Thới Đông, huyện Cần Giờ, diện tích 50 ha do sử dụng bãi đồ bùn tại xã Đa Phước huyện Bình Chánh theo Công văn số 6283/UB-ĐT ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về đồ bùn nạo vét từ kênh Tham Lương - Bến Cát- Rạch Nước lên vào khu xử lý bùn trong cụm công trình nghĩa trang - xử lý rác - xử lý bùn tại xã Đa Phước, huyện Bình Chánh.

2. Tổng vốn đầu tư : 1.951.741.000.000 đồng.

(Một ngàn chín trăm năm mươi một tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu đồng).

Trong đó :

- Chi phí xây lắp : 131.102.000.000 đồng.
- KTCB khác : 16.012.000.000 đồng.
- Chi phí dò phá bom mìn : 5.463.000.000 đồng.
- Bồi thường giải phóng mặt bằng : 1.621.733.000.000 đồng.
- Dự phòng phí : 177.431.000.000 đồng.

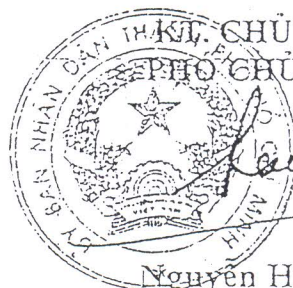
3. Thời gian thực hiện : 2003- 2010.

Điều 2: Các điều khoản khác không đề cập trong Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 2064/QĐ-UB ngày 15 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt dự án đầu tư công trình Tiêu thoát nước và cải thiện ô nhiễm kênh Tham Lương-Bến Cát- Rạch Nước Lên (giai đoạn 1).

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài Chính, Giám đốc Kho bạc Nhà Nước thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Tân, Tân Phú, Tân Bình, Gò Vấp, quận 12, quận 8, quận Bình Thạnh và huyện Bình Chánh, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- TTUB: CT, các PCT;
- Cục Thống kê;
- Sở Quy hoạch-Kiến trúc;
- VPHĐ-UB: PVP/KT, ĐT;
- Tổ CNN, ĐT, TH, DA;
- Lưu : VT, (DA-Tg) L. 32



CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Hữu Tín